TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thanh Lịch
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Chí Cốt
Ông Lý Đức Thà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thiết – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Hoài T, sinh năm 1993. Địa chỉ thường trú: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh C. Nơi ở hiện nay: Xóm N1, xã Đ, huyện Hòa An, tỉnh C. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh C. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án Nguyên đơn là chị Nông Thị Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Hoài T và anh Hoàng Văn H kết hôn vào ngày 05/01/2011, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, được tổ chức lễ cưới với sự đồng ý của hai bên gia đình, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh C. Sau một thời gian chung sống cùng nhau, chị T phát hiện ra anh H nghiện ma túy và đã được Công an huyện H, tỉnh C đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh C vào năm 2011, anh H đi cai nghiện được khoảng 01 tháng thì gia đình xin cho về. Sau khi về nhà anh H lại càng nghiện nặng hơn, thường xuyên chửi bới, lăng mạ chị T không có lý do, không tu chí giúp đỡ chị T làm ăn và thường xuyên bỏ nhà đi. Mặc dù đã được chị T và hai bên gia đình góp ý nhưng anh H không thay đổi. Chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh H có 01 con chung là cháu Hoàng Hải Yến, sinh ngày 15/5/2010. Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa chị T nhất trí cho anh H được trực tiếp nuôi con, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 08/6/2023 và Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2023 Bị đơn là anh Hoàng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T được tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 7 – 8 năm mới phát sinh mâu thuẫn do chị T đi làm thuê ở Trung Quốc gần một năm thỉnh thoảng mới về, sau đó về lại tiếp tục đi làm ở Thành phố C, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay đã được 4 – 5 năm. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh H nhất trí.

Về con chung: Anh H xác nhận anh H và chị T có 01 con chung là cháu Hoàng Hải Yến, sinh ngày 15/5/2010. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Hải Yến đến khi cháu đủ 18 tuổi vì sau khi con sinh ra được hai tuổi chị T đã đi làm xa, anh H và ông bà nội đã tự chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến nay. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh C có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, từ giai đoạn thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 97, 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Về thời hạn xét xử đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS; Về

mở phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 208 – 211 BLTTDS; Quá trình thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS; Tại phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tai phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của BLTTDS.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, HĐXX đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định tại các Điều 12, 15, 16 BLTTDS; Thư lý phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS và có mặt tại phiên tòa, thực hiện đúng nội quy phiên tòa theo Điều 227, 234 BLTTDS; Bị đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS, bị đơn vắng mặt có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Nông Thị Hoài T, chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H; Về con chung, giao con chung cháu Hoàng Hải Yến cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con; Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn Hoàng Văn H cư trú tại xóm N, xã Đ, huyện H, tỉnh C, theo quy định tại các Điều 35, 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C.

Bị đơn anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Ngày 04/5/2023, nguyên đơn chị Nông Thị Hoài T nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đang có hiệu lực để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình thu thập lời khai của các

đương sự, người làm chứng đã xác định các đương sự sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Đến năm 2019 chị T đi làm xa mới phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay đã được 4 -5 năm, từ lâu vợ chồng đã không còn sự chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Về phía Nguyên đơn trình bày Bị đơn nghiện ma túy, nhưng quá trình Tòa án giải quyết vụ án Nguyên đơn cũng không đưa ra căn cứ để chứng minh. Để bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn hai lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Bị đơn không đến, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai Bị đơn vẫn thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân được 4 – 5 năm và nhất trí ly hôn.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận vợ chồng chị T và anh H đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế dẫn đến tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh H xác nhận Anh Chị có 01 con chung là cháu Hoàng Hải Yến, sinh ngày 15/5/2010. Từ những chứng cứ đã thu thập được, hiện tại cháu Hoàng Hải Yến đang sinh sống cùng với anh H, qua xác minh của Chính quyền địa phương gia đình anh H thuộc diện khá giả so với mặt bằng chung của xã, đảm bảo điều kiện nuôi con. Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 28/6/2023, cháu Hoàng Hải Yến có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị T trình bày bản thân cũng hoàn toàn tin tưởng anh H có đủ điều kiện nuôi dưỡng và đảm bảo chăm sóc tốt cho con. Đó là những căn cứ để Tòa xem xét giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Tòa xét thấy, để bảo đảm cho sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần giao cháu Hoàng Hải Yến cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét việc anh H không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T nhất trí là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án ghi nhận ý kiến của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Tòa ghi nhận ý kiến của các đương sự.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó Tòa án chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nông Thị Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 147, 203, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Chị Nông Thị Hoài T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Anh Hoàng Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Hải Yến, sinh ngày 15/5/2010 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nông Thị Hoài T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xác nhận cháu Hoàng Hải Yến đang sinh sống cùng anh Hoàng Văn H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị Hoài T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã được nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002627 ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh C.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Lịch

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lý Đức Thà	**Hoàng Chí Cốt**	**Nông Thanh Lịch**